

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HS-ST

Ngày 27/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ TỈNH BẮC NINH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Hiếu – Nhà giáo- Hiệu trưởng Trường THPT Quế Võ I.

2. Bà Ngô Thùy Phương – Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2022 đối với **các bị cáo:**

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/10/2006. HKTT: Thôn Xa Loan, xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo; Không. Con ông Nguyễn Văn Tâm, sinh năm 1974 và bà Phùng Thị B, sinh năm 1973. Bị cáo có 04 chị em ruột, bị cáo là thứ 4. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/02/2022 đến ngày 19/02/2022, áp dụng biện pháp: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Anh H, sinh ngày 26/10/2006. HKTT: Thôn Xa Loan, xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 10/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo; Không. Là con ông Nguyễn Văn Điệp, sinh năm 1979 và bà Nghiêm Thị N, sinh năm 1984. Bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là thứ 2. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/02/2022 đến ngày 19/02/2022, áp dụng biện pháp: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn T: Bà Phùng Thị B, sinh năm 1973 - Là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Văn T. Có mặt.

- **Đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Anh H:** Bà Nghiêm Thị N, sinh năm 1984 - Là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Anh H. Có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Xa Loan, xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- **Người bào chữa cho các bị cáo:** Ông Hoàng Nhật Huy, chức vụ: Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh.

Có mặt.

- **Bị hại:** Bùi Anh T, sinh Ngày 15/10/2009.

- **Đại diện theo pháp luật của bị hại Bùi Anh T:** Bà Phan Thị Hương, sinh năm 1985 - Là mẹ đẻ của bị hại Bùi Anh T.

Cùng địa chỉ: thôn Mai Cương, xã Cách Bi, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Cùng đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo T và bị cáo H là bạn bè quen biết từ trước. Buổi trưa ngày 10/02/2022, T điều khiển xe máy điện nhãn hiệu FUJI đến khu vực nhà H thì gặp H. T và H cùng Nu đi xuống trường THPT Quế Võ số 2 thuộc xã Đào Viên, huyện Quế Võ chơi. T điều khiển xe máy điện chở H đi theo đường liên thôn Bồng Lai – Cách Bi. Trên đường đi, T nói với H: *“Thấy học sinh nhỏ tuổi đi trên đường đeo dây chuyền thì giật lấy mang đi bán lấy tiền tiêu”*. H đồng ý. Khi đi đến địa phận thôn Mai Cương, xã Cách Bi, huyện Quế Võ thì T dừng xe lại để xem có học sinh nào đi qua có đeo dây chuyền thì giật. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, thấy Bùi Anh T, sinh ngày 15/10/2009 và Phan Hải Anh, sinh ngày 27/11/2009 cùng HKTT: Thôn Mai Cương, xã Cách Bi, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh mỗi người điều khiển 01 xe đạp đi qua chỗ T và H đứng. Khi T và Hải Anh đi qua, T thấy T có đeo 01 sợi dây chuyền trên cổ nên nói với H: *“Có thằng đeo dây chuyền”* rồi T điều khiển xe máy điện chở H đuổi theo và nói với H: *“Mày ngồi sau xe giật đi”*. H nói: *“ Thôi mày giật đi”*. T điều khiển xe áp sát xe đạp do T điều khiển, T đi chậm lại, H hỏi: *“Có phải Tú không?”*, T trả lời: Em không phải và dừng xe lại. T dùng tay phải giật sợi dây chuyền T đang đeo trên cổ rồi tăng ga điều khiển xe chở H đi. Trên đường đi, T đưa cho H sợi dây chuyền vừa giật được của T, H cầm và đeo sợi dây chuyền vào cổ. Buổi chiều cùng ngày, biết hành vi của mình đã bị phát hiện, H và T đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Võ đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp sợi dây chuyền cho Công an để trả cho bị hại.

Tại bản kết luận giám định số 205 ngày 17/02/2022 của phòng KTHS Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng dài 52cm gửi giám định là kim loại bạc (ký hiệu hoá học Ag). Khối lượng: 7,2 chỉ, hàm lượng bạc là 96%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08 ngày 18/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại bạc, thời điểm định giá tháng 02/2022 là 610.000 đồng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Võ, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Anh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số 58/Ctr- VKS ngày 16/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ đã truy tố các bị cáo về tội: “ Cướp giật tài sản ” theo Điểm d, g- Khoản 2, Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi xét hỏi và tranh luận, đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, phân tích tính chất mức độ, nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo, xác định các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo. Khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ pháp luật. Đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo phạm tội: “ Cướp giật tài sản ”. Áp dụng Điểm d, g- Khoản 2, Điều 171; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 90, 91, 101; Điều 65 - Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt: Bị cáo T từ 24 đến 30 tháng tù, bị cáo H từ 18 đến 21 tháng tù, nhưng cho các bị cáo hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách: bị cáo T từ 48 đến 60 tháng, H từ 36 đến 42 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị cáo là trẻ em nên không áp dụng hình phạt bổ sung và các bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày bào chữa: Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất giản đơn, phạm tội mà không nhận thức được hành vi vi phạm của mình, chỉ khi được giải thích thì mới nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Theo hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, vẫn là trẻ em, còn đang đi học, nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế hơn so với người trưởng thành. Gia đình bố mẹ các bị cáo bận đi làm nên chưa quan tâm sâu sát đến các bị cáo. Sau khi phạm tội các bị cáo đã đến Công an huyện Quế Võ để đầu thú, giao nộp tài sản cướp giật cho Công an để trả lại cho bị hại, khắc phục hậu quả. Trong suốt giai đoạn điều tra, truy tố các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2- Điều 51- Bộ luật hình sự.

Từ những căn cứ và phân tích trên, mong HĐXX căn cứ vào tính chất, hành vi, mức độ phạm tội, nhân thân, sự nhận thức pháp luật, sự thành khẩn của các bị cáo, áp dụng Điều 90, 91- Bộ luật hình sự về nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội nhằm giáo dục, giúp đỡ họ là chính. Để cho các bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội tiếp tục đi học làm lại cuộc đời, trở thành công dân tốt và có ích cho xã hội. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho các bị cáo.

Bà B và bà N là mẹ đẻ bị cáo T và bị cáo H trình bày: Xin HĐXX xem xét

cho các cháu được hưởng án treo để các cháu được tiếp tục đi học. Gia đình cam kết sẽ quản lý giáo dục các cháu, không để vi phạm pháp luật gì nữa.

Các bị cáo không có ý kiến gì bổ sung. Lời nói sau cùng các bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và phạm tội. Các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo được hưởng án treo để được tiếp tục đi học, làm người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và đã được thẩm tra xác minh công khai tại phiên tòa. Như biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, lời khai của những người làm chứng, của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác. Đã chứng minh được:

Khoảng 12h30' ngày 10/02/2022 tại thôn Mai Cương, xã Cách Bi, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe máy điện nhãn hiệu FUJI chở bị cáo Nguyễn Anh H đi áp sát vào xe đạp do anh Bùi Anh T, sinh ngày 15/10/2009 điều khiển. Khi anh T dừng xe, T dùng tay phải giật sợi dây chuyền bạc trị giá 610.000đ của anh T đang đeo trên cổ rồi Nh chổng tăng ga xe máy điện bỏ chạy. Sau đó cùng ngày T và H đã đến Công an huyện Quế Võ đầu thú, giao nộp chiếc dây chuyền bạc để trả cho người bị hại.

Hành vi của các bị cáo dùng xe máy điện theo quy định của pháp luật thì đây là dùng thủ đoạn nguy hiểm để chiếm đoạt tài sản là sợi dây chuyền bạc của anh T trị giá 610.000đ. Các bị cáo phạm tội với anh T khi anh T mới được 12 tuổi 3 tháng 25 ngày, chưa đủ 16 tuổi nên vẫn là trẻ em, vì theo Điều 1- Luật trẻ em thì: “ Trẻ em là người dưới 16 tuổi”. Do đó đã có đủ các yếu tố để kết luận các bị cáo phạm tội “ Cướp giật tài sản” theo Điểm d, g- Khoản 2, Điều 171 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ và đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của công dân được Bộ luật hình sự bảo vệ. Tính chất phạm tội của các bị cáo theo Khoản 3- Điều 9 BLHS là rất nghiêm trọng.

Xét tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú, giao nộp sợi dây chuyền bạc cho Công an để trả lại cho bị hại, khắc phục hậu quả của tội phạm. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Nên các bị cáo đều được hưởng 4 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, s Khoản 1- Điều 51 và hai tình tiết giảm nhẹ áp dụng Khoản 2 Điều 51- BLHS. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về nhân thân các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa bị xử lý vi phạm pháp luật gì và đều là học sinh đang đi học, có xác nhận của Hiệu trưởng nhà trường.

Đây là một vụ án đồng phạm, nhưng xét các bị cáo cấu kết với Nu để thực hiện tội phạm không chặt chẽ, nên chỉ là đồng phạm giản đơn, không phải là đồng phạm tội có tổ chức. Trong đó vai trò của bị cáo T là khởi xướng và thực hành tích cực hành vi phạm tội, bị cáo H là người đồng phạm giúp sức bị cáo T thực hiện hành vi cướp giật. Do đó bị cáo T phải chịu trách nhiệm chính và cao hơn bị cáo H.

Xét các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, bị cáo T khi phạm tội là 15 tuổi 4 tháng 9 ngày, bị cáo H khi phạm tội là 15 tuổi 3 tháng 14 ngày. Theo Điều 1- Luật trẻ em quy định “ Trẻ em là người dưới 16 tuổi”, thì các bị cáo vẫn là trẻ em. Do đó các bị cáo còn được hưởng chính sách hình sự khoan hồng giảm nhẹ của pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại các Điều 90, 91- BLHS. Áp dụng Khoản 1, Điều 54- Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự bằng một hình phạt tù tương xứng với tính chất, hậu quả tội phạm mà các bị cáo đã gây ra cho xã hội. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở Khoản 1 và Khoản 2, Điều 51- Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo phạm tội khi vẫn là trẻ em, nên không cần thiết phải cách ly xã hội, mà mục đích xử phạt để giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục các bị cáo. Giao các bị cáo cho UBND xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Theo quy định tại Khoản 6, Điều 91- BLHS: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì các bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra xác định sợi dây chuyền các bị cáo chiếm đoạt là của anh Bùi Anh T. Ngày 28/02/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Võ đã trả lại cho anh T, anh T nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì.

Đối với chiếc xe máy điện đã qua sử dụng, nhãn hiệu FUJI màu đen, số khung GDUMKAE 00119, số máy V800W1906622, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên mang BKS 99MĐ5 – 041.45 là của chị B mẹ bị cáo T. Chị B không biết việc bị cáo T sử dụng chiếc xe này và để đi cướp giật tài sản. Ngày 10/4/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Võ trả cho chị B. Chị B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì.

Về án phí: Các bị cáo khi phạm tội vẫn là trẻ em, nên theo quy định tại Điều 1, Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo được miễn án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Anh H phạm tội “ Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng Điểm d, g- Khoản 2, Điều 171; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Các Điều 17, 58, 90, 91, 101; Điều 65- Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24(Hai mươi bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh H 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp Khoản 2, Điều 136 BLTTHS; Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí HSST cho các bị cáo.

- Các bị cáo, người đại diện, người bào chữa của các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện theo pháp luật của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; Sở TP.
- VKSND tỉnh, huyện.
- Thi hành án; Công an huyện.
- Bị cáo, bị hại, người đại diện .
- Người bào chữa.
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Sơn

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thùy Phương Phan Văn Hiếu

Hoàng Ngọc Sơn